TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13/5/2024
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thành Phước

2. Ông Đoàn Văn Vui

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 243/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61a/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 47/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Chị Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

***Bị đơn*:** Anh Nguyễn Trung T, sinh năm 1988.

HKTT: Độ I, xã P, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Chỗ ở hiện nay: ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chị D và anh T cùng có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 09/11/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc D trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Nguyễn Trung T do quen biết nhau, sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 22/02/2008 (nay là Ủy ban nhân dân xã P, huyện M,

tỉnh Bến Tre). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính tình, thường hay cãi nhau, anh T đi nhậu về thường hay kiếm chuyện để cãi nhau với chị, giữa vợ chồng không có sự thấu hiểu và cảm thông với nhau. Ngoài ra anh T còn tham gia chơi các hình thức cờ bạc, chị nhiều lần khuyên can nhưng không thay đổi. Chị và anh T đã sống ly thân khoảng hơn 06 tháng nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng chị không có hàn gắn với nhau, mạnh ai nấy sống. Nay chị xác định tình cảm với anh T không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn với nhau. Khi ly hôn chị không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng.

Về nuôi con chung: chị và anh T có hai con chung tên Nguyễn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 15/6/2008 và Nguyễn Ngọc Quỳnh H, sinh ngày 19/12/2016. Sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi hai con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 10/5/2024 bị đơn anh Nguyễn Trung T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Ngọc D quen biết nhau khi cùng đi làm ở tỉnh Bình Dương, sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 22/02/2008 (nay là Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre). Vợ chồng chung sống với nhau nhưng cuộc sống hôn nhân không đúng theo ý muốn của vợ anh nên dẫn đến việc chị D xin ly hôn. Do vợ chồng không hàn gắn được với nhau nữa nên nay chị D xin ly hôn thì anh đồng ý. Khi ly hôn anh không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng.

Về nuôi con chung: anh và chị D có hai con chung tên Nguyễn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 15/6/2008 và Nguyễn Ngọc Quỳnh H, sinh ngày 19/12/2016. Sau khi ly hôn anh đồng ý để hai con chung cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình;

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cụ thể: Về hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Ngọc D và anh Nguyễn Trung T. Về con chung: chị Nguyễn Ngọc D được trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 15/6/2008 và Nguyễn Ngọc Quỳnh H, sinh ngày 19/12/2016; anh Nguyễn Trung T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không có yêu cầu. Về tài sản chung: chị D, anh T tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung: không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân; Bị đơn Nguyễn Trung T hiện đang sinh sống, có mặt tại xã P, huyện M nên căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Nguyên đơn, bị đơn cùng có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Chị Nguyễn Ngọc D và anh Nguyễn Trung T trên cơ sở quen biết, sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 22/02/2008 (nay là Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre), hôn nhân của chị D và anh T đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hôn nhân gia đình nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chị D và anh T chung sống hạnh phúc nhưng vì nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình mà đã dẫn đến việc chị D xin ly hôn. Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị D cho rằng: nguyên nhân vợ chồng mất hạnh phúc là do vợ chồng tính tình không hợp, thường hay cãi nhau, giữa vợ chồng không có sự cảm thông chia sẻ với nhau. Do cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên vợ chồng chị đã sống ly thân hơn 06 tháng nay, trong thời gian ly thân vợ chồng không có tìm cách hàn gắn với nhau.

[2.2] Tại bản tự khai ngày 10/5/2024 anh T trình bày thống nhất với lời trình bày của chị D về quá trình quen biết và quá trình chung sống. Vợ chồng anh cũng có mâu thuẫn do cuộc sống hôn nhân không đúng như ý muốn của chị D. Chị D đã kiên quyết ly hôn nên anh cũng đồng ý ly hôn.

[2.3] Hội đồng xét xử xét thấy: chị D và anh T đều thống nhất hôn nhân có mâu thuẫn và vợ chồng anh chị cũng đã sống ly thân nhau. Trong suốt thời gian đó, giữa vợ chồng anh chị đã không còn quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau để phát triển gia đình về mọi mặt mà bỏ mặc nhau, mạnh ai nấy sống nên anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Chính điều này càng làm cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân đã không đạt được và anh chị cũng thống nhất mong muốn được ly hôn với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 công nhận sự thuận tình ly hôn của chị D và anh T.

[3] Về nuôi con chung: trong thời gian sống chung, chị D và anh T có có hai con chung tên Nguyễn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 15/6/2008 và Nguyễn Ngọc Quỳnh H, sinh ngày 19/12/2016. Sau khi ly hôn chị D và anh T đều thống nhất với nhau về việc con chung sẽ sống cùng chị D và anh T không cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, theo biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên thì cháu N và cháu H cũng có nguyện

vọng được sống với mẹ (là chị D). Do đó, để đảm bảo sự phát triển ổn định của các con chung nên Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm tiếp tục giao cháu H và cháu N cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, xét thấy chị D không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về chia tài sản chung: chị D và anh T thống nhất anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: chị D và anh T thống nhất không có.

[6] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí ly hôn: chị D phải chịu do chị D yêu cầu ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Ngọc D và anh Nguyễn Trung T.

[2] Về con chung: Sau khi ly hôn chị Nguyễn Ngọc D được quyền trực tiếp tiếp tục nuôi con chung là Nguyễn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 15/6/2008 và Nguyễn Ngọc Quỳnh H, sinh ngày 19/12/2016 (hiện nay hai con chung đang sống cùng với chị D), anh Nguyễn Trung T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về chia tài sản chung: chị Nguyễn Ngọc D và anh Nguyễn Trung T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: chị Nguyễn Ngọc D và anh Nguyễn Trung T trình bày không có nên không đề cập.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc D phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0002350 ngày 20/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre nên chị D không phải nộp thêm.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử lại theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKS nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
-UBND xã Phú Sơn (số 08, ngày 22/02/2008);
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Cao Thanh Minh